TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 267/2025/HS-PT
Ngày: 28-05-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**

Các thẩm phán: Ông **Trần Đức Kiên**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với đầu cầu thành phần Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa phúc thẩm xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hữu L cùng 03 bị cáo khác về các tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu L, sinh ngày: 01/11/1980 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ (Chết) và bà Lê Thị Ánh X; vợ: Đỗ Thị N, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 30/12/2022, bị Công an phường N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000đồng, đã nộp phạt ngày 09/01/2023.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến ngày 24/5/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày: 01/01/1982 tại tỉnh Hậu Giang; nơi thường trú: Thôn Q, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Số D đường T, tổ A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ1; chồng: Phạm Đình P, có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 10/3/2022, bị Công an xã H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 21/3/2022.

3. Dương Thị G, sinh ngày: 08/11/1991 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Tổ C, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Tổ F, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Minh K (Chết) và bà Lê Thị B; chồng: Đã ly hôn, có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 19/11/2021, bị Ủy ban nhân dân thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Làm chủ lô đề" bằng hình thức phạt tiền, số tiền 10.000.000đồng, đã nộp phạt ngày 25/11/2021.

4. Võ Thành S, sinh ngày: 10/5/1995 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành H và bà Nguyễn Thị T1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 02/7/2021, bị Ủy ban nhân dân thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép" bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 05/8/2021.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu L: Luật sư Nguyễn Hữu H1 – Công ty L2, Đoàn luật sư thành phố Đ. Vắng mặt, có gửi luận cứ bào chữa.

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Dương Thị G: Luật sư Nguyễn Mạnh C, luật sư Văn phòng L3 – Chi nhánh Q. Địa chỉ: A T, Đ, Đ, Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 09/01/2024, Phòng C1 Công an tỉnh Q phối hợp cùng Công an phường N, thành phố Q bắt quả tang Nguyễn Hữu L đang thực hiện

hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận số lô, số đề thắng thua bằng tiền tại phòng ngủ của L ở số nhà E đường N, phường N, thành phố Q thông qua ứng dụng mạng xã hội Zalo với 07 người gồm: Dương Thị G (Tài khoản Zalo tên Phượng V), Bùi Thái H2 (Tài khoản Zalo tên Nguyet H3), Lê Thị T2 (Tài khoản Zalo tên T2); Nguyễn Thị T (Tài khoản Zalo tên T); Nguyễn Thành T3 (Tài khoản Zalo tên Trung N1), Võ Thành S (Tài khoản Zalo tên Võ Thành S) và Đặng Văn D (Tài khoản Zalo tên T4). Thu giữ của L 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, bên trong có gắn 01 sim thuê bao số 0878.729.253 mà L dùng để tổ chức đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ 02/01/2024 đến 09/01/2024, Nguyễn Hữu L đã nhiều lần tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận số lô, số đề thắng thua bằng tiền dựa trên kết quả xổ số kiến thiết của các đài miền N, miền T và miền B. Trong đó, các bị cáo Bùi Thái H2, Nguyễn Thị T, Dương Thị G và Lê Thị T2 có hành vi nhận số lô, số đề của những người chơi đánh bạc, sau đó chuyển cho bị cáo Nguyễn Hữu L để hưởng tiền hoa hồng (thu lợi bất chính) với hình thức khuyến mãi như sau: Tại lô đề miền T và miền N có 18 lô, khi mua bao lô thì khuyến mãi cho những người tham gia 05 lô, chỉ tính tiền 13 lô, sau đó chuyển cho bị cáo Nguyễn Hữu L 12,6 lô và hưởng hoa hồng 0,4 lô; khi mua xiên (bao lô nhiều cặp số) thì khuyến mãi cho những người tham gia 5,5 lô, chỉ tính tiền 12,5 lô, sau đó chuyển cho bị cáo Nguyễn Hữu L 12,2 lô và hưởng hoa hồng 0,3 lô; mua đầu đuôi thì khuyến mãi cho những người tham gia 20%/tổng số tiền mua, chỉ tính tiền 80%/tổng số tiền mua, sau đó chuyển cho bị cáo Nguyễn Hữu L 70%/tổng số tiền mua và hưởng hoa hồng 10%/tổng số tiền mua. Đối với các bị cáo Võ Thành S và Nguyễn Thành T3 có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề trực tiếp với bị cáo Nguyễn Hữu L với hình thức khuyến mãi như trên. Cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Nguyễn Thị T, quá trình điều tra xác định được như sau:

- Ngày 09/01/2024, T nhận, ghi số lô, số đề cho nhiều người chơi, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền N (Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre) làm căn cứ tính thắng thua và chuyển cho L, cụ thể:

+ Tổng số tiền người chơi mua số lô, số đề: 39.988.000 đồng.

+ Tổng số tiền người chơi trúng số lô, số đề: 10.500.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 50.488.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền 29.488.000 đồng; T thu lợi bất chính số tiền 1.501.800 đồng.

- Ngày 09/01/2024, T nhận, ghi số lô, số đề cho nhiều người chơi, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền T (Đắk Lắk, Quảng Nam) làm căn cứ tính thắng thua và chuyển cho L, cụ thể:

+ Tổng số tiền người chơi mua số lô, số đề: 41.355.000 đồng.

+ Tổng số tiền người chơi trúng số lô, số đề: 14.000.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 55.355.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền 27.355.000 đồng; T thu lợi bất chính số tiền 1.875.000 đồng.

Như vậy, trong ngày 09/01/2024 bị cáo Nguyễn Thị T tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 105.843.000 đồng và thu lợi bất chính sau khi chuyển số lô, số đề cho bị cáo Nguyễn Hữu L là 3.376.800 đồng.

2. Đối với hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Dương Thị G, quá trình điều tra xác định được như sau:

- Ngày 09/01/2024, G nhận, ghi số lô, số đề cho nhiều người chơi, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền N (Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre) làm căn cứ tính thắng thua và chuyển cho L, cụ thể:

+ Tổng số tiền người chơi mua số lô, số đề: 85.530.000 đồng.

+ Tổng số tiền người chơi trúng số lô, số đề: 69.300.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 154.830.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền 20.300.000 đồng; G thu lợi bất chính số tiền 2.050.000 đồng.

- Ngày 09/01/2024, G nhận, ghi số lô, số đề cho nhiều người chơi, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền T (Đắk Lắk, Quảng Nam) làm căn cứ tính thắng thua và chuyển cho L, cụ thể:

+ Tổng số tiền người chơi mua số lô, số đề: 57.966.000 đồng.

+ Tổng số tiền người chơi trúng số lô, số đề: 47.110.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 105.076.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền 25.012.000 đồng; G thu lợi bất chính số tiền 1.914.400 đồng.

-Ngày 09/01/2024, G nhận, ghi số lô, số đề cho nhiều người chơi, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền B làm căn cứ tính thắng thua, nhưng chưa có kết quả, với tổng số tiền người chơi mua số lô, số đề là 3.594.000 đồng.

Như vậy, trong ngày 09/01/2024 bị cáo Dương Thị G tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 263.500.000 đồng và thu lợi bất chính sau khi chuyển số lô, số đề cho bị cáo Nguyễn Hữu L là 3.964.400 đồng.

3. Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo Võ Thành S, quá trình điều tra xác định được như sau:

- Ngày 02/01/2024, S trực tiếp mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với L, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền B làm căn cứ tính thắng thua, cụ thể:

+ Tổng số tiền S mua số lô, số đề: 10.260.000 đồng.

+ Tổng số tiền S trúng số lô, số đề: 0 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 10.260.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền: 10.260.000 đồng.

- Ngày 02/01/2024, S trực tiếp mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với L, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền N (Bà Rịa - Vũng Tàu) làm căn cứ tính thắng thua, cụ thể:

+ Tổng số tiền S mua số lô, số đề: 23.860.000 đồng.

+ Tổng số tiền S trúng số lô, số đề: 49.000.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 72.860.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền: 0 đồng.

- Ngày 03/01/2024, S trực tiếp mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với L, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền N (Đồng Nai) làm căn cứ tính thắng thua, cụ thể:

+ Tổng số tiền S mua số lô, số đề: 29.900.000 đồng.

+ Tổng số tiền S trúng số lô, số đề: 3.500.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 33.400.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền: 26.400.000 đồng.

- Ngày 03/01/2024, S trực tiếp mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với L, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền T (Khánh Hòa) làm căn cứ tính thắng thua, cụ thể:

+ Tổng số tiền S mua số lô, số đề: 20.920.000 đồng.

+ Tổng số tiền S trúng số lô, số đề: 7.000.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 27.920.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền: 13.920.000 đồng.

- Ngày 04/01/2024, S trực tiếp mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với L, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền N (Tây Ninh) làm căn cứ tính thắng thua, cụ thể:

+ Tổng số tiền S mua số lô, số đề: 51.900.000 đồng.

+ Tổng số tiền S trúng số lô, số đề: 42.000.000 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 93.900.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền: 9.900.000 đồng.

- Ngày 09/01/2024, S trực tiếp mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với L, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền N (Bà Rịa - Vũng Tàu) làm căn cứ tính thắng thua, cụ thể:

+ Tổng số tiền S mua số lô, số đề: 10.400.000 đồng.

+ Tổng số tiền S trúng số lô, số đề: 0 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 10.400.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền: 10.400.000 đồng.

- Ngày 09/01/2024, S trực tiếp mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với L, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền T (Đắk Lắk) làm căn cứ tính thắng thua, cụ thể:

+ Tổng số tiền S mua số lô, số đề: 13.420.000 đồng.

+ Tổng số tiền S trúng số lô, số đề: 0 đồng.

+ Tổng số tiền đánh bạc là: 13.420.000 đồng.

+ L thu lợi bất chính số tiền: 13.420.000 đồng.

Như vậy, trong tháng 01/2024 bị cáo Võ Thành S đánh bạc với tổng số tiền là là 262.160.000 đồng.

4. Đối với hành vi tổ chức đánh bạc của Nguyễn Hữu L, quá trình điều tra xác định được như sau:

Ngoài hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận số lô, số đề của các bị cáo Bùi Thái H2, Nguyễn Thị T, Dương Thị G, Lê Thị T2, Nguyễn Thành T3, Võ Thành S như đã nêu trên, Nguyễn Hữu L còn có hành vi bán số lô, số đề cho Đặng Văn D và Nguyễn Hữu Â trong khoảng thời gian tháng 01/2024 nhưng các lần đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng. Trong đó:

- Tổng số tiền đánh bạc với Đặng Văn D là 2.070.000 đồng, L thu lợi bất chính số tiền 1.800.000 đồng.

- Tổng số tiền đánh bạc với Nguyễn Hữu Â là 22.960.000 đồng, L thu lợi bất chính số tiền 7.260.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian tháng 01/2024 bị cáo Nguyễn Hữu L đã tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 969.738.000 đồng (Chín trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) và tổng số tiền bị cáo Nguyễn Hữu L thu lợi bất chính là 361.498.000 đồng (Ba trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

* Trưng cầu giám định:

Tại Bản Kết luận giám định số 483/KL-KTHS ngày 08/6/2024 và Kết luận giám định số 623/KL-KTHS ngày 06/7/2024 của Phòng C1 Công an tỉnh Q về dữ liệu trong điện thoại là phù hợp với hành vi "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" dưới hình thức ghi, nhận số lô, số đề và mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền của các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 03/01/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

"1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị T, Dương Thị G phạm tội "Tổ chức đánh bạc", bị cáo Võ Thành S phạm tội " Đánh bạc".

1.1 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến ngày 24/5/2024.

1.2 Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án

1.5 Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị G 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.1 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thành S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, tội danh và hình phạt với bị cáo khác, về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin không truy thu số tiền phạm tội, xin không phạt bổ sung; bị cáo G xin hưởng án treo; bị cáo T xin chuyển hình phạt sang hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, bị cáo thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 BLHS, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Cụ thể: chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L; chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền đối với bị cáo; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo G, đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo G thì không chấp nhận do bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo S, không chấp nhận kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo do số tiền này là số tiền bị cáo thu lợi bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[1.2] Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, tại phiên toà các bị cáo L, S vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo G thay đổi kháng cáo từ xin hưởng án treo sang xin giảm nhẹ hình phạt hoặc chuyển sang hình thức phạt tiền; bị cáo T giữ nguyên kháng cáo

[2] Hành vi của các bị cáo:

Trong tháng 01/2024 và ngày 09/01/2024, xuất phát từ việc muốn thu lợi bất chính nên các bị cáo Nguyễn Hữu L, Bùi Thái H2, Nguyễn Thị T, Dương Thị G, lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh, thành phố (Các đài miền N, miền T, miền B) để thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức cầm bầu, ghi số lô, số đề thắng thua bằng tiền với nhiều người chơi. Cụ thể:

Trong tháng 01/2024, Nguyễn Hữu L đã nhiều lần tổ chức đánh bạc với tổng số tiền tổ chức đánh bạc là 969.738.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 361.258.000 đồng. Trong ngày 09/01/2024, các bị cáo Nguyễn Thị T, Dương Thị G, đã nhiều lần tổ chức đánh bạc, thu tiền của những người chơi, sau đó chuyển cho Nguyễn Hữu L để hưởng tiền hoa hồng với tổng số tiền tổ chức đánh bạc là 611.263.000đồng, thu lợi bất chính tổng cộng 12.031.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Thành T3 đã đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề trực tiếp với Nguyễn Hữu L với tổng số tiền đánh bạc là 71.285.000 đồng trong đó có 03 lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng. Bị cáo Võ Thành S đã đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề trực tiếp với Nguyễn Hữu L với tổng số tiền là 262.160.000 đồng trong đó có 05 lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng và 02 lần số tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo, thì thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu L:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết rõ hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề, thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, bị cáo có vai trò là người thực hành chính. Tổng số tiền bị cáo tổ chức đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề là 969.738.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 361.258.000 đồng.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, Dương Thị G:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo biết việc tổ chức đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề, thắng thua bằng tiền và chuyển tịch cho bị cáo Nguyễn Hữu L là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện.

Dương Thị G tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 263.500.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.964.400 đồng; Nguyễn Thị T tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 105.843.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.376.800 đồng.

[3.3] Đối với bị cáo Võ Thành S:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, biết rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Tổng số tiền bị cáo Võ Thành S đánh bạc là 262.160.000 đồng.

[3.4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng tại địa phương. Do đó, bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Hữu L về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị T, Dương Thị G về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thành S về tội "Đánh bạc" theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Hữu L có vai trò là người thực hành chính, bị cáo có tiền sự về hành vi "Đánh bạc", các bị cáo Nguyễn Thị T, Dương Thị G có vai trò là người thực hành nhưng các bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc", "Làm chủ lô đề"; bị cáo Võ Thành S từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc". Các bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi "Tổ chức đánh bạc", "Đánh bạc" dưới hình thức mua, bán số lô, số đề thắng thua bằng tiền, thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe các bị cáo, đồng thời giáo dục các bị cáo về ý thức chấp hành pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành T3, Võ Thành S tự nguyện giao nộp tổng số tiền 105.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hữu L tự nguyện giao nộp 20.000.000 đồng; bị cáo Dương Thị G tự nguyện giao nộp 20.000.000 đồng; gia đình các bị cáo Nguyễn Thị T có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị T, Dương Thị G, Võ Thành S theo khoản 3 Điều 322; khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Dương Thị G nộp tiền phạt bổ sung 15.000.000 đồng, bản ghi nhận "Tấm lòng vàng" của UBND phường N trong công tác phòng chống dịch Covid, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 điều 51 BLHS.

Bị cáo L được Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy T5 xác nhận gương "Người tốt việc tốt" trong việc cứu chữa người bị thương, làm công tác thiện nguyện gương "Người tốt việc tốt" được UBND xã T xác nhận. trong quá trình điều tra truy tố bị cáo L, S, G, T tự thú khai ra các lần phạm tội trước đó, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khi bị bắt, khai ra các đồng phạm trong vụ án nhưng chưa được cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm r và điểm t khoản 1điều 51 BLHS. Vì vậy, thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo L, S, G, T.

Các bị cáo L, S có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS nên được áp dụng khoản 1 điều 54 BLHS xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thoả đáng, giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo G là phù hợp.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thành S xin không áp dụng biện pháp tư pháp truy thu số tiền phạm tội, xử phạt bổ sung, giữ nguyên như quyết định cảu án án sơ thẩm

Bị cáo Nguyễn Thị T nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động chính trong gia đình, có nhiều đóng góp cho địa phương trong công tác thiện nguyện được UBND xã T xác nhận, bị cáo đang ly thân chồng và nuôi 2 con còn đi học, trong vụ án này có một số bị cáo H2, T2 có vai trò như bị cáo T cũng bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt tiền nên xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo T là thoả đáng cũng có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo thái xử phạt bằng hình thức phạt tiền nên không phạt bổ sung bị cáo T.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu L nộp 20.000.000 đồng, bị cáo Dương Thị G nộp 20.000.000 đồng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo T nộp tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003777 ngày 11/4/2025 và bị cáo G nộp phạt bổ sung 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003766 ngày 18/2/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quãng Ngãi, nên tiếp tục quy trữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c, đ khoản 1 Điều 357 BLTTHS;

[1] Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 03/01/2025 của Toà án nhân dân tỉnh

Quãng Ngãi; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S về phần biện pháp tư pháp và hình phạt bổ sung, giữ nguyên như bản án sơ thẩm về phần này.

[2] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị T, Dương Thị G, phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; bị cáo Võ Thành S phạm tội "Đánh bạc".

2.1 Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến ngày 24/5/2024. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hữu L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị G: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Dương Thị G số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thành S: 02 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Võ Thành S số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

[3] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Võ Thành S phải nộp số tiền 125.320.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Hữu L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003189 ngày 25/11/2024; số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Dương Thị G đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003185 ngày 04/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án; số tiền của bị cáo T nộp tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003777 ngày 11/4/2025; bị cáo G nộp phạt bổ sung 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003766 ngày 18/2/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quãng Ngãi.

[4] Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng